TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-11-2022
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Võ Văn Cường**
2. Ông **Trần Trung Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *không tham gia phiên toà.*

Ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 586/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh T** sinh năm: 1986
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Chị **Phan Thị Diệu H** sinh năm: 1984
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Tiền Giang

(anh T có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh và chị Phan Thị Diệu H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2019, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên anh và chị H đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2022 bị đơn là chị Phan Thị Diệu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau vào năm 2020,

không có đăng ký kết hôn, do cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hòa hợp nên đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh T khởi kiện chị Phan Thị Diệu H về việc xin ly hôn. Chị H cư trú tại ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phan Thị Diệu H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019. Trong quá trình chung sống anh T và chị H đều xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày nên anh T yêu cầu ly hôn, tuy chị H xin vắng mặt nhưng có tờ tự khai cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, anh T và chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy anh T và chị H có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Phan Thị Diệu H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010233 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D; anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị H thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ